**GIẢI THÍCH BIỂU MẪU SỐ 02/TK-THADS**

**Kết quả thi hành án dân sự tính bằng tiền**

**1. Nội dung**

Phản ánh kết quả tổ chức thi hành án về tiền của Chấp hành viên, của Chi cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự và của Hệ thống thi hành án dân sự. Tiền bao gồm tiền Việt Nam đồng, giá trị tài sản, quyền tài sản, ngoại tệ, giấy tờ, chứng chỉ có giá trị được hạch toán quy đổi ra tiền Việt Nam đồng tại thời điểm phát sinh số liệu.

**2. Giải thích từ ngữ**

- Tổng số tiền giải quyết là số tiền cơ quan thi hành án dân sự phải xử lý trong kỳ báo cáo, bao gồm số năm trước chuyển sang (trừ số đã chuyển sổ theo dõi riêng), số thụ lý mới trong kỳ báo cáo.

- Tiền năm trước chuyển sang là số tiền chưa tổ chức thi hành xong tính theo phương pháp lũy kế, đến thời điểm khóa sổ báo cáo thống kê của năm trước chuyển sang năm báo cáo (trừ số đã chuyển sổ theo dõi riêng).

- Tiền thụ lý mới là số tiền đã ra quyết định thi hành án, vào sổ thụ lý trong kỳ báo cáo.

- Tiền ủy thác là số tiền đã ra quyết định ủy thác theo quy định tại Điều 55 Luật Thi hành án dân sự (trừ số ủy thác thẳng khi chưa ra quyết định thi hành án).

- Tiền thu hồi, sửa, hủy quyết định thi hành án là số tiền đã ra quyết định thu hồi, sửa, hủy toàn bộ quyết định thi hành án mà không ra quyết định thi hành án mới.

- Tổng số tiền phải thi hành là số tiền thực tế phải tổ chức thi hành sau khi trừ số tiền chuyển sổ theo dõi riêng, số tiền ủy thác thi hành án, số tiền thu hồi, hủy quyết định thi hành án.

- Tiền có điều kiện thi hành là tiền mà người phải thi hành án có tài sản, thu nhập để thi hành nghĩa vụ về tài sản; tự mình hoặc thông qua người khác thực hiện nghĩa vụ thi hành án.

- Tổng số tiền thi hành xong là số tiền cơ quan thi hành án dân sự đã thi hành xong và số tiền đã có quyết định đình chỉ thi hành án, quyết định giảm nghĩa vụ thi hành án của Tòa án nhân dân.

- Tiền thi hành xong là số tiền thực tế cơ quan thi hành án dân sự đã tổ chức thi hành xong và số tiền, tài sản thi hành án đã thu được, cơ quan thi hành án dân sự đã thông báo cho người được nhận tiền, tài sản đến nhận theo quy định tại khoản 5 Điều 47, khoản 2 Điều 126 Luật Thi hành án dân sự, khoản 2 và điểm a khoản 5 Điều 49 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ; tiền, tài sản đã giao cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật, Chấp hành viên đã thực hiện xong việc giao tiền, tài sản; số tiền đã tổ chức thi hành xong một phần, hoặc đình chỉ một phần quyết định thi hành án, phần còn lại đã ủy thác và đã xóa sổ thụ lý thi hành án.

- Tiền đình chỉ thi hành án là số tiền cơ quan thi hành án dân sự đã ra quyết định đình chỉ thi hành án theo quy định tại Điều 50 Luật Thi hành án dân sự.

- Tiền giảm nghĩa vụ thi hành án là số tiền Tòa án nhân dân cùng cấp đã ra quyết định giảm một phần nghĩa vụ thi hành án.

- Tiền đang thi hành là số tiền cơ quan thi hành án dân sự đang trong quá trình tiến hành các thủ tục thi hành án theo quy định của pháp luật để tổ chức thực hiện các quyền, nghĩa vụ thi hành án theo nội dung quyết định của bản án, quyết định tại thời điểm khóa sổ báo cáo thống kê.

- Tiền trường hợp khác là số tiền của việc đang trong thời gian chờ ý kiến của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến quan điểm áp dụng pháp luật, liên quan đến quan điểm, chủ trương đường lối và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

- Tiền chưa có điều kiện thi hành (trừ số tiền đã chuyển sổ theo dõi riêng) được xác định như sau:

+ Là số tiền được xác định theo quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án theo quy định tại Điều 44a Luật Thi hành án dân sự;

+ Tiền chưa có điều kiện khác là số tiền mà người phải thi hành án không có tài sản, thu nhập để thi hành nghĩa vụ về tài sản; có tài sản, nhưng tài sản thuộc diện không được kê biên, tài sản có giá trị quá nhỏ không đủ chi phí cưỡng chế hoặc chỉ có giá trị tinh thần; có tài sản là quyền sử dụng đất, nhưng đã hết thời hạn thuê mà không được giao sử dụng tiếp theo quy định của pháp luật; có tài sản, nhưng tài sản đã được đảm bảo cho việc thi hành một nghĩa vụ khác mà đã xác định được số tiền còn lại không đủ để thi hành án hoặc tài sản đang bị cơ quan, người có thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế hình sự, biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc biện pháp đặc biệt khác theo quy định của pháp luật để đảm bảo xét xử và chi trả cho nghĩa vụ khác; số tiền thi hành các khoản thu cho Nhà nước trong trường hợp thi hành bản án, quyết định của Tòa án có xử lý tài sản bảo đảm thi hành khoản nợ xấu trong thời gian thực hiện thí điểm theo quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc hội, nếu giá trị tài sản không đủ hoặc chỉ vừa đủ thi hành khoản thu cho tổ chức tín dụng mà người phải thi hành án không có tài sản nào khác và tổ chức tín dụng cũng không đồng ý trích một phần để thi hành khoản thu cho ngân sách nhà nước; số tiền còn phải thi hành sau khi đối trừ giá trị tài sản tại thời điểm báo cáo mà đã giảm giá lần thứ hai không có người tham gia đấu giá, trả giá hoặc bán đấu giá không thành.

- Tiền hoãn thi hành án là số tiền cơ quan thi hành án dân sự đã ra quyết định hoãn theo quy định tại Điều 48 Luật Thi hành án dân sự.

- Tiền tạm đình chỉ thi hành án là số tiền cơ quan thi hành án dân sự đã ra quyết định tạm đình chỉ thi hành án theo quy định tại Điều 49 Luật Thi hành án dân sự.

- Tiền tạm dừng thi hành án để giải quyết khiếu nại, tố cáo là số tiền đang trong thời hạn tạm dừng thi hành án để giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định Điều 146, 157 Luật Thi hành án dân sự.

- Tiền trong thời hạn tự nguyện thi hành án là số tiền đang trong thời hạn tự nguyện thi hành án theo quy định tại Điều 45 Luật Thi hành án dân sự.

- Tiền chưa có điều kiện thi hành đã chuyển sổ theo dõi riêng theo quy định tại khoản 5 Điều 9 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 được sửa đổi bằng Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020của Chính phủ tại thời điểm khóa sổ lập báo cáo thống kê.

*-* Tín dụng là khoản thu cho ngân hàng, hợp tác xã tín dụng, quỹ tín dụng nhân dân và các tổ chức tín dụng; thống kê số việc thi hành cho người được thi hành án là tổ chức tín dụng, không bao gồm số việc thi hành án cho tổ chức tín dụng trong các bản án, quyết định hình sự về các tội tham nhũng, chức vụ và xâm phạm trật tự quản lý kinh tế.

- Tiền thống kê kết quả thi hành đối với án tham nhũng, chức vụ: thống kê số việc thi hành phần dân sự trong các bản án hình sự đối với các tội tham nhũng, chức vụ.

- Tiền thống kê kết quả thi hành đối với án xâm phạm trật tự quản lý kinh tế: thống kê số việc thi hành phần dân sự trong các bản án hình sự đối với các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế.

- Tiền ủy thác xử lý tài sản là số tiền được tính trên cơ sở tài sản được ghi trong quyết định ủy thác xử lý tài sản.

**3. Đơn vị tính**

Đơn vị tính trong biểu mẫu được tính bằng “1.000 VNĐ” và “%”.

Trường hợp một việc thi hành án có một hoặc nhiều tài sản phải tiêu hủy, tài sản không có giá trị hoặc tài sản, nghĩa vụ thi hành án không tính được bằng tiền thì khi thống kê được tính là 1.000 VN đồng.

**4. Nguồn số liệu**

Số liệu trong biểu mẫu được lấy từ hồ sơ thi hành án dân sự và các loại sổ chuyên môn nghiệp vụ có liên quan.

**5. Phương pháp tính toán trong biểu mẫu và cách ghi biểu**

**5.1. Cách ghi phần chung**

Các phần để trống trong biểu mẫu phải được ghi chép đầy đủ, cụ thể:

a) Đối với biểu của Chấp hành viên phải ghi đầy đủ họ, tên Chấp hành viên và tên cơ quan thi hành án dân sự nơi Chấp hành viên công tác.

b) Biểu mẫu phải có đầy đủ chữ ký của người lập biểu và ký xác nhận của Thủ trưởng đơn vị, cụ thể: đối với biểu mẫu do Chấp hành viên lập, phần người lập biểu ghi tên Chấp hành viên, Thủ trưởng đơn vị ký xác nhận. Đối với biểu mẫu của Chi cục và của Cục, phần người lập biểu do công chức được giao làm công tác thống kê ký, Thủ trưởng đơn vị ký xác nhận.

**5.2. Cách ghi phần số**

Đối với các chỉ tiêu không phát sinh ghi số không “0”. Tuyệt đối không sử dụng các ký tự để đánh dấu.

Đối với các số liệu được lấy từ các biểu thống kê của Chấp hành viên phải được tổng hợp theo thứ tự: Chấp hành viên xác định nguồn số liệu, xây dựng báo cáo. Chi cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự tổng hợp số liệu từ các Chấp hành viên thuộc đơn vị. Cục Thi hành án dân sự tổng hợp số liệu thống kê của toàn tỉnh từ số liệu thống kê của Cục và các Chi cục trực thuộc. Tổng cục Thi hành án dân sự tổng hợp số liệu thống kê từ báo cáo của Cục Thi hành án dân sự tỉnh. Riêng kỳ báo cáo Quốc hội tổng hợp cả số liệu của cơ quan thi hành án dân sự trong quân đội.

**5.2.1. Trang 1**

**a) Cột:**

- Cột 1 = Cột (2 + 3)

- Cột 6 = Cột (7 + 14 + 15 +16 +17 + 18) = Cột (1 – 4 – 5)

- Cột 7 = Cột (8 + 12 + 13)

- Cột 8 = Cột (9 + 10 + 11)

- Cột 19 = Cột (12 + 13 + 14 + 15 + 16 + 17 + 18)

- Cột 20 = Cột (8 /7 ) x 100

**b) Dòng:**

- Dòng tổng số = Dòng (I + II)

- Dòng I = Dòng (1 + 2 + 3 + 4 + 5 + 6 + 7 + 8 + 9 + 10 + 11 + 12 + 13)

- Dòng II = Dòng (1 + 2 + 3 + 4 + 5 + 6 + 7 + 8 + 9 + 10 + 11 + 12 + 13)

**5.2.2. Phân tích một số chỉ tiêu việc thi hành án dân sự (PT02)**

**-** Dòng 1, Cột 1 = Dòng (1.1 + 1.2 + 1.4 + 1.5 + 1.6 + 1.7 + 1.8)

- Dòng 1, Cột 2 = Dòng (1.1 + 1.2 + 1.3 + 1.4 + 1.5 + 1.7 + 1.8)

- Dòng 3, Cột 1 = Dòng (3.1 + 3.2 + 3.4 + 3.5 + 3.6 + 3.7 + 3.9)

Trong đó: Dòng 3.9, Cột 1 = (3.9.1 + 3.9.2)

- Dòng 3, Cột 2 = Dòng (3.1 + 3.2 + 3.3 + 3.4 + 3.5 + 3.6 + 3.7 + 3.8 + 3.9)

Trong đó: Dòng 3.9, Cột 2 = (3.9.1 + 3.9.2)

- Dòng 4, Cột 1 = Dòng (4.1 + 4.2) trong đó: Dòng 4.1, Cột 1 = (4.1.1 + 4.1.2)

- Dòng 4, Cột 2 = Dòng (4.1 + 4.2) trong đó: Dòng 4.1, Cột 2 = (4.1.1 + 4.1.2)

- Dòng 5, Cột 1 = Dòng (5.1 + 5.2 + 5.3 + 5.4)

- Dòng 5, Cột 2 = Dòng (5.1 + 5.2 + 5.3 + 5.4)

**5.3. Công thức tính**